



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya  
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép đầu tư số** 414/GP ngày 7 tháng 9 năm 1992  
414/GPDC ngày 14 tháng 2 năm 1995  
414/GPDC1 ngày 31 tháng 10 năm 1995  
414/GPDC2 ngày 9 tháng 1 năm 1996  
414/GPDC3 ngày 30 tháng 7 năm 1997  
414/GPDC4 ngày 19 tháng 9 năm 1997  
414/CPH/GP ngày 7 tháng 10 năm 2005  
414/CPH/GCND1-BKH ngày 25 tháng 10 năm 2006  
do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

414/GPDC1-BKH-KCN-DN ngày 16 tháng 5 năm 2003  
414/GPDC2-BKH-KCN-DN ngày 23 tháng 6 năm 2003  
414/GPDC3-BKH-KCN-DN ngày 7 tháng 5 năm 2004  
414/GCND2/47/2 ngày 6 tháng 9 năm 2007  
472033000584 ngày 11 tháng 7 năm 2008  
472033000584 ngày 18 tháng 12 năm 2008  
472033000584 ngày 30 tháng 8 năm 2010  
472033000584 ngày 29 tháng 11 năm 2011  
472033000584 ngày 13 tháng 5 năm 2013  
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

**Hội đồng Quản trị** Ông Shen Shang Pang Chủ tịch  
Ông Shen Shang Tao Phó Chủ tịch  
Ông Shen Shang Hung Thành viên  
Ông Shen San Yi Thành viên  
Ông Wang Ting Shu Thành viên  
Ông Tsai Chung Cheng Thành viên  
Ông Tu Ting Jui Thành viên

**Ban Giám đốc** Ông Wang Ting Shu Tổng Giám đốc  
Ông Chen Chung Kuang Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính** Khu Công nghiệp Biên Hòa II  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Chi nhánh** Xã Cẩm Điền  
Huyện Cẩm Giàng  
Tỉnh Hải Dương  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo Kiểm toán số: 15-01-306/1



  
Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Trung Hoán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>667.365.690.828</b>	<b>611.104.550.795</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>241.004.878.903</b>	<b>192.842.436.613</b>
Tiền	111		45.619.878.903	26.707.436.613
Các khoản tương đương tiền	112		195.385.000.000	166.135.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>224.737.130.959</b>	<b>217.151.700.979</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	225.508.200.077	217.213.728.083
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		197.551.775	965.954.900
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		746.583.336	687.222.225
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.715.204.229)	(1.715.204.229)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>191.954.025.903</b>	<b>178.167.978.923</b>
Hàng tồn kho	141		192.468.556.941	178.784.689.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(514.531.038)	(616.710.571)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.669.655.063</b>	<b>22.942.434.280</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.839.115.117	1.105.107.564
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14	7.661.729.946	21.595.389.716
Tài sản ngắn hạn khác	155		168.810.000	241.937.000
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>108.183.886.943</b>	<b>116.429.065.521</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>104.888.558.735</b>	<b>112.537.540.780</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	104.642.858.735	112.235.140.780
Nguyên giá	222		441.349.883.548	439.938.213.973
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.707.024.813)	(327.703.073.193)
Tài sản cố định vô hình	227	9	245.700.000	302.400.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.300.000)	(264.600.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>346.952.775</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	346.952.775
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.295.328.208</b>	<b>3.544.571.966</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.542.659.216	2.360.550.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	752.668.992	1.184.021.582
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>775.549.577.771</b>	<b>727.533.616.316</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

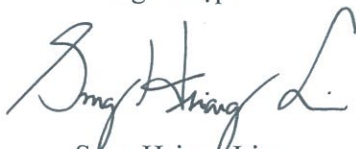
**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>427.304.190.849</b>	<b>374.034.728.378</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>427.304.190.849</b>	<b>374.034.728.378</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	207.324.531.464	171.909.887.196
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.248.074.980	21.465.541.837
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	14	3.397.957.735	3.886.438.006
Phải trả người lao động	314		4.456.429.426	6.877.682.876
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.323.842.812	1.437.266.367
Phải trả ngắn hạn khác	319		109.954.432	250.712.096
Vay ngắn hạn	320	16	162.443.400.000	168.207.200.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>348.245.386.922</b>	<b>353.498.887.938</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>348.245.386.922</b>	<b>353.498.887.938</b>
Vốn cổ phần	411	18	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	418	19	28.364.116.167	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối	421		41.140.340.118	53.204.347.982
- Lợi nhuận chưa phân phối mang qua	421a		17.343.714.702	7.800.968.996
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		23.796.625.416	45.403.378.986
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>775.549.577.771</b>	<b>727.533.616.316</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Sung Hsiang Lin  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

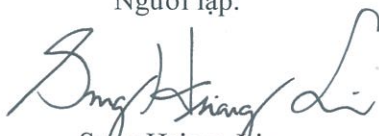
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	607.065.147.995	559.819.626.133
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	139.572.535	1.058.980.949
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>606.925.575.460</b>	<b>558.760.645.184</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	554.190.891.120	515.315.642.935
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>52.734.684.340</b>	<b>43.445.002.249</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.814.923.932	4.357.903.074
Chi phí tài chính	22	25	8.874.597.022	4.991.911.259
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.855.166.615	1.913.020.176
Chi phí bán hàng	25		10.625.722.282	9.820.259.065
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.739.778.499	12.839.421.297
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>25.309.510.469</b>	<b>20.151.313.702</b>
Thu nhập khác	31	26	3.697.433.417	3.294.776.001
Chi phí khác	32		22.357.215	11.801.321
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.675.076.202</b>	<b>3.282.974.680</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>28.984.586.671</b>	<b>23.434.288.382</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.756.608.665	2.002.646.483
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	431.352.590	27.773.923
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>23.796.625.416</b>	<b>21.403.867.976</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>853</b>	<b>767</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
Sung Hsiang Lin  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>28.984.586.671</b>	<b>23.434.288.382</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.060.651.620	10.958.516.940
Các khoản dự phòng	03		(102.179.533)	(476.028.872)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.926.180.857	1.624.081.620
Lỗi/(lãi) thanh lý tài sản cố định	05		3.465.000	(337.900.110)
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(4.352.324.172)	(4.130.531.664)
Chi phí lãi vay	06		1.855.166.615	1.913.020.176
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>38.375.547.058</b>	<b>32.985.446.472</b>
Biến động các khoản phải thu	09		6.870.450.868	(10.500.860.102)
Biến động hàng tồn kho	10		(13.683.867.447)	(22.260.856.839)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		58.541.444.341	547.511.723
Biến động chi phí trả trước	12		(916.116.385)	361.399.536
			<b>89.187.458.435</b>	<b>1.132.640.790</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.855.033.539)	(1.978.896.052)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(5.150.060.213)	(4.653.680.042)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.157.786.164)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>81.024.578.519</b>	<b>(5.499.935.304)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.068.181.800)	(1.265.387.884)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	367.280.000
Tiền thu từ các khoản đầu tư	26		-	1.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.078.365.839	4.049.823.328
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.010.184.039</b>	<b>4.151.715.444</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

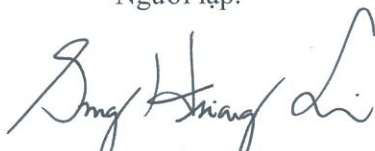
Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
-------	-------------	-------------------------------	-------------------------------

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	138.154.024.750	150.094.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(146.134.004.750)	(126.960.160.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	20 (27.892.340.268)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(35.872.320.268)</b>	<b>23.134.040.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>48.162.442.290</b>	<b>21.785.820.140</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>192.842.436.613</b>	<b>157.514.045.655</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5 241.004.878.903</b>	<b>179.299.865.795</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
 Sung Hsiang Lin  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc



## **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) - chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 451 nhân viên (1/1/2015: 414 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh 4(a) và (q).

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Ngoại tệ**

***Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Trụ sở chính gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf**

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

## Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



## **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	706.433.200	778.605.700
Tiền gửi ngân hàng	44.913.445.703	25.928.830.913
Các khoản tương đương tiền	195.385.000.000	166.135.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	241.004.878.903	192.842.436.613

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	26.467.643.201	25.313.872.189
Công ty TNHH Quang Sáng	22.288.167.824	14.282.239.753
Công Ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	18.446.036.004	32.890.049.402
Công ty TNHH Hồng Gia	17.595.819.187	20.280.021.528
Khách hàng khác	140.710.533.861	124.447.545.211
	225.508.200.077	217.213.728.083

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	225.508.200.077	217.213.728.083

**7. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	59.408.396.602	-	63.514.991.787	-
Nguyên vật liệu	31.217.881.576	-	34.067.638.613	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.350.785.825	(352.218.799)	3.446.329.033	(312.050.246)
Thành phẩm	97.451.600.788	(162.312.239)	77.715.837.911	(304.660.325)
Hàng hóa	39.892.150	-	39.892.150	-
	<b>192.468.556.941</b>	<b>(514.531.038)</b>	<b>178.784.689.494</b>	<b>(616.710.571)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 4.441 triệu VND (1/1/2015: 10.427 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	145.070.111.269	275.631.985.637	8.842.474.682	3.349.045.789	7.044.596.596	439.938.213.973
Tăng trong kỳ	-	131.389.347	-	-	88.000.000	219.389.347
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.192.280.228	-	-	-	1.192.280.228
Số dư cuối kỳ	145.070.111.269	276.955.655.212	8.842.474.682	3.349.045.789	7.132.596.596	441.349.883.548
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	78.725.456.561	231.703.706.843	7.469.720.798	3.070.780.872	6.733.408.119	327.703.073.193
Khấu hao trong kỳ	2.702.600.732	6.000.852.904	180.612.096	65.082.000	54.803.888	9.003.951.620
Số dư cuối kỳ	81.428.057.293	237.704.559.747	7.650.332.894	3.135.862.872	6.788.212.007	336.707.024.813
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	66.344.654.708	43.928.278.794	1.372.753.884	278.264.917	311.188.477	112.235.140.780
Số dư cuối kỳ	63.642.053.976	39.251.095.465	1.192.141.788	213.182.917	344.384.589	104.642.858.735

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có số tài sản có nguyên giá 203.491 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 201.667 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	567.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	264.600.000
Khấu hao trong kỳ	56.700.000
Số dư cuối kỳ	321.300.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	302.400.000
Số dư cuối kỳ	245.700.000

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	346.952.775	715.833.145
Tăng trong kỳ	848.792.453	856.510.118
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.192.280.228)	(1.483.237.073)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(51.461.300)
Thanh lý	(3.465.000)	(29.379.890)
Số dư cuối kỳ	-	8.265.000

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Công cụ và dụng cụ	579.830.004	510.052.348
Đồng phục	315.424.227	189.933.333
Bảo hiểm	229.607.949	39.055.638
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	714.252.937	366.066.245
	<hr/>	<hr/>
	1.839.115.117	1.105.107.564

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.595.455.051	765.095.333	2.360.550.384
Tăng trong kỳ	-	503.641.641	503.641.641
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(293.108.529)	(321.532.809)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.567.030.771	975.628.445	2.542.659.216



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tài sản cố định	15%	568.388.814	551.214.082
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	15%	4.422.881	211.156.373
Dự phòng hàng tồn kho	15%	28.636.075	52.629.592
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	15%	151.221.222	369.021.535
		<hr/>	<hr/>
		752.668.992	1.184.021.582

**13. Các khoản phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	193.513.494.463	193.513.494.463	160.165.688.843	160.165.688.843
Các nhà cung cấp khác	13.811.037.001	13.811.037.001	11.744.198.353	11.744.198.353
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	207.324.531.464	207.324.531.464	171.909.887.196	171.909.887.196

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	207.324.531.464	207.324.531.464	171.909.887.196	171.909.887.196

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ	193.513.494.463	193.513.494.463	160.165.688.843	160.165.688.843

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	508.081.128	97.705.675.627	(49.298.589.886)	(48.508.243.301)	406.923.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.121.938.012	4.756.608.665	(5.150.060.213)	-	2.728.486.464
Thuế thu nhập cá nhân	256.418.866	1.400.671.285	(1.394.542.448)	-	262.547.703
	3.886.438.006	103.862.955.577	(55.843.192.547)	(48.508.243.301)	3.397.957.735

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Cán trừ VND	30/6/2015 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.595.389.716	56.155.349.494	(21.580.765.963)	(48.508.243.301)	7.661.729.946

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 15. Chi phí phải trả

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Phí dịch vụ chuyên môn	834.055.862	1.034.246.163
Phí lãi vay	179.550.439	179.417.363
Chi phí khác	310.236.511	223.602.841
	<hr/>	<hr/>
	1.323.842.812	1.437.266.367
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	168.207.200.000	168.207.200.000	138.154.024.750	(146.134.004.750)	2.216.180.000	162.443.400.000
						162.443.400.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR+1,5%	13.104.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR+1,5%	32.760.000.000	51.312.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (a)	390.000 USD	2,50%	-	8.547.200.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Hà Nội (a)	2.500.000 USD	LIBOR+1,5%	18.299.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	19.656.000.000	14.966.000.000
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.200.000 USD	1% + Chi phí huy động vốn	19.656.000.000	14.966.000.000

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	6.552.000.000	12.828.000.000
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	0,95% + Chi phí huy động vốn	13.104.000.000	6.414.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	0,5% năm trên Chi phí huy động vốn - được quyết định trên mỗi giao dịch	32.760.000.000	23.518.000.000
Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND	USD: 3% VND: Chi phí huy động vốn của Chi nhánh Đồng Nai + 1,5%	-	4.276.000.000
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	6.552.000.000	21.380.000.000
			162.443.400.000	168.207.200.000

- Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- Khoản vay này không được đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	7.800.968.996	308.095.508.952
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.403.867.976	21.403.867.976
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	29.204.836.972	329.499.376.928
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.999.511.010	23.999.511.010
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	53.204.347.982	353.498.887.938
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.810.506.848	(6.810.506.848)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.157.786.164)	(1.157.786.164)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.796.625.416	23.796.625.416
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(27.892.340.268)	(27.892.340.268)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	41.140.340.118	348.245.386.922

## Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

### 19. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

### 20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 27.892 triệu VND (1000 VND một cổ phiếu) (2014: Không).



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.946.160.376	3.876.953.157
Trong vòng hai đến năm năm	20.386.155.780	20.269.439.685
Sau năm năm	81.378.268.371	82.420.814.294
	105.710.584.527	106.567.207.136

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 hợp đồng thuê:

- Phí thuê đất Trụ sở chính của Công ty tại tỉnh Đồng Nai với mức thuê tối thiểu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25,885 USD trong vòng 50 năm tính từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu VND trong 6 năm tính từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.
- Phí thuê đất hàng năm tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND trong tám năm tính từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 16 tháng 7 năm 2042.

**(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba	8.515.318.791	7.600.200.435

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	638.351	13.903.369.132	228.620	4.887.895.600

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	606.254.901.839	558.921.923.720
▪ Bán hàng	352.087.180	557.205.725
▪ Cung cấp dịch vụ	458.158.976	340.496.688
	<hr/>	<hr/>
	607.065.147.995	559.819.626.133
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(139.572.535)	(1.058.980.949)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	606.925.575.460	558.760.645.184

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	553.924.210.377	515.261.058.023
▪ Hàng hóa đã bán	268.845.902	509.765.036
▪ Cung cấp dịch vụ	100.014.374	90.561.287
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(102.179.533)	(545.741.411)
	<hr/>	<hr/>
	554.190.891.120	515.315.642.935

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lãi tiền gửi	4.352.324.172	4.130.531.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.462.599.760	227.371.410
	<hr/>	<hr/>
	5.814.923.932	4.357.903.074

**25. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí lãi vay	1.855.166.615	1.913.020.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.019.430.407	3.078.891.083
	<hr/>	<hr/>
	8.874.597.022	4.991.911.259

**26. Thu nhập khác**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	367.280.000
Lãi do thanh lý phế liệu	3.661.697.200	2.922.711.198
Thu nhập khác	35.736.217	4.784.803
	<hr/>	<hr/>
	3.697.433.417	3.294.776.001

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	512.869.965.731	474.490.622.482
Chi phí nhân công	27.012.220.181	25.060.490.364
Chi phí khấu hao	9.060.651.620	10.958.516.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.864.080.408	15.646.731.662
Chi phí khác	9.749.473.961	11.818.961.849

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.756.608.665	2.002.646.483
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	431.352.590	27.773.923
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>5.187.961.255</b>	<b>2.030.420.406</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.984.586.671	23.434.288.382
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.347.688.001	3.515.143.257
Ảnh hưởng của thuế suất khác	424.039.423	606.473.101
Chi phí không được khấu trừ thuế	416.233.831	191.811.591
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	(2.283.007.543)
	5.187.961.255	2.030.420.406

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư. Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư của Chi nhánh. Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác. các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015. và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là năm năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2015 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	23.796.625.416	21.403.867.976
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	23.796.625.416	21.403.867.976

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (1/1/2015: Không).

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Xác định các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ và các công ty liên kết khác các thành viên Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt.

**Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt**

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Ban Giám đốc	673.940.930	2.062.542.060
Hội đồng Quản trị	2.854.354.951	1.995.976.170
	3.528.295.881	4.058.518.230

**Giao dịch với công ty mẹ**

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd</b>		
Mua nguyên vật liệu	411.528.130.772	258.557.084.135
Phí bản quyền	635.927.845	537.400.461

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2015 to 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 to 30/6/2014 VND
<b>Teco (Vietnam) Electric &amp; Machinery Co. Ltd</b> Cung cấp dịch vụ	404.974.874	369.282.856
<b>Taya (Vietnam) Construction and Development Co.. Ltd</b> Cung cấp dịch vụ	99.000.000	90.000.000

**31. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản. và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	240.298.445.703	192.063.830.913
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	224.539.579.184	216.185.746.079
		<hr/>	<hr/>
		464.838.024.887	408.249.576.992

**(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng**

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chưa quá hạn	155.652.377.481	164.549.101.631
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	41.183.259.041	29.022.220.968
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	27.698.026.288	22.292.134.000
Quá hạn trên 180 ngày	5.916.374	322.289.480
	<hr/>	<hr/>
	224.539.579.184	216.185.746.079
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Từ 1/1/2015 đến</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến</b>
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.715.204.229	1.645.491.690
Tăng dự phòng trong kỳ	-	69.712.539
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.715.204.229	1.715.204.229
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
<b>30/6/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác – ngắn hạn	213.214.758.134	213.214.758.134	213.214.758.134
Vay ngắn hạn	162.443.400.000	163.723.744.549	163.723.744.549
	<b>375.658.158.134</b>	<b>376.938.502.683</b>	<b>376.938.502.683</b>
<b>1/1/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác – ngắn hạn	180.475.548.535	180.475.548.535	180.475.548.535
Vay ngắn hạn	168.207.200.000	170.523.667.953	170.523.667.953
	<b>348.682.748.535</b>	<b>350.999.216.488</b>	<b>350.999.216.488</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	638.351	228.620
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.198.276	3.133.000
Vay ngắn hạn	(7.440.000)	(7.400.000)
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(9.067.022)	(7.921.000)
	<hr/>	<hr/>
	(13.670.395)	(11.959.380)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
USD	21.780	21.380
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến</b>
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
USD (mạnh thêm 2%) – giảm lợi nhuận thuần	(5.061.600.442)	(4.346.756.255)
	<hr/>	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính		
▪ <i>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</i>	240.298.445.703	192.063.830.913
	<hr/>	<hr/>
	240.298.445.703	192.063.830.913
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Nợ phải trả tài chính		
▪ <i>Vay ngắn hạn</i>	(162.443.400.000)	(168.207.200.000)
	<hr/>	<hr/>
	(162.443.400.000)	(168.207.200.000)
	<hr/>	<hr/>

*Đánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ tài chính có lãi suất cố định*

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm. Do đó sự biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn.

*Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi*

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty 1.380 triệu VND (Năm kết thúc 31/12/2014: 1.430 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

***So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ***


Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	241.004.878.903	241.004.878.903	192.842.436.613	192.842.436.613
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	224.539.579.184	(*)	216.185.746.079	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(213.214.758.134)	(*)	(180.475.548.535)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(162.443.400.000)	(*)	(168.207.200.000)	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
Sung Hsiang Lin  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc